

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2026

"Về việc: Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà:* Bà Nguyễn Thị Lý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đào Thị Thanh Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Hòa

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Phúc - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị P, sinh năm 1988 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn DC, xã HHT, tỉnh Hưng Yên.

**Bị đơn:** Anh Tô Văn N, sinh năm 1993 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn DC, xã HHT, tỉnh Hưng Yên.

**Người làm chứng:**

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn DC, xã HHT, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các văn bản bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đinh Thị P và bị đơn anh Tô Văn N đã gặp và quen nhau, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên (nay là xã HHT, tỉnh Hưng Yên) ngày 12/3/2021 theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của chị P và anh N được hai bên gia đình tác hợp và tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán. Tuy nhiên do thời gian tìm hiểu ngắn nên sau khi kết hôn giữa chị P và anh N không có sự đồng cảm, thường bất đồng quan điểm, anh

chị không thể chia sẻ công việc gia đình với nhau. Lúc đó mới biểu hiện rõ anh chị có cách nghĩ, cách sống, cách cư xử khác nhau, tính cách không hợp nên anh chị không còn tiếng nói chung. Anh N chơi cờ, cờ bạc không chăm lo cho gia đình, có lần anh N đã lừa chị P để lấy tiền đi chơi cờ bạc. Chị P động viên khuyên bảo anh N nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, còn cho rằng chị P đã quan tâm quá mức về các vấn đề riêng tư của anh ấy nên anh N đã có những lời lẽ đe dọa, xúc phạm chị P. Do vợ chồng chị P hiếm muộn con nên cần có sự điều trị và can thiệp của y tế. Chị P đã rất nỗ lực kiểm tra, khám để xác định nguyên nhân với hy vọng vợ chồng có con chung. Chị P nghĩ có con sẽ là động lực, là sợi dây kết nối tình cảm giữa hai vợ chồng. Để có kết quả tốt nhất thì cần phải có sự thăm khám và điều trị của cả hai nhưng anh N không hợp tác mà cho rằng nguyên nhân hiếm muộn là do chị P. Chị P vô cùng thất vọng về việc đã đặt hy vọng vào anh N, đã mong muốn anh N sẽ là nguồn động viên của chị P để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Đến khoảng tháng 3/2023 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, anh N thường xuyên không có nhà nên tình cảm của vợ chồng không có thời gian và điều kiện để vun đắp. Do chán nản và áp lực nên chị P đi làm ở công ty, chị P không về gia đình anh N nữa mà thuê nhà trọ ở gần công ty để tiện cho công việc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, động viên nhưng hôn nhân không thể có hạnh phúc khi chỉ có sự nỗ lực của một mình chị P. Anh chị đã không còn cách giải quyết để tìm được quan điểm chung với nhau nữa, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị P và anh N không có con chung.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Chị P xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tô Văn N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà nhưng anh N không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai của anh N được. Do anh N không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

\* Nguyên đơn chị Đinh Thị P vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn anh Tô Văn N vắng mặt không có lý do.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn anh Tô Văn N.
- + Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** Về tố tụng: Chị Đinh Thị P yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Tô Văn N, địa chỉ: Thôn DC, xã HHT, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

Phiên tòa ngày 18/5/2026 nguyên đơn chị Đinh Thị P vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Phiên tòa ngày 12/5/2026 và phiên tòa ngày 18/5/2026, bị đơn anh Tô Văn N vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh N.

#### **[2]** Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P và anh Tô Văn N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 12/3/2021 theo giấy chứng nhận kết hôn số 14. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

#### 2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P:

Theo chị P thì sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, thường bất đồng quan điểm, anh chị không thể chia sẻ công việc gia đình với nhau nên anh chị không còn tiếng nói chung. Ngoài ra còn do anh N chơi bời, cờ bạc không chăm lo cho gia đình, có lần anh N đã lừa chị P để lấy tiền đi đánh bạc. Chị P động viên khuyên bảo anh N nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn do anh N không hợp tác cùng chị P chữa hiểm muộn, anh N thường xuyên không có nhà nên tình cảm của vợ chồng không có thời gian và điều kiện để vun đắp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng chị P được bà Phạm Thị L - Mẹ đẻ anh N cung cấp: Anh N và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 12/03/2021 theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không mấy hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N và chị P bất đồng quan

điểm, cả hai đều không thể tìm ra điểm chung để cùng nhau chăm lo cho gia đình. Chị P không có khả năng sinh con, gia đình bà L và chị P cũng kiên trì khám chữa bệnh cho chị P. Kinh tế của anh chị làm được đều tập trung cho chữa và điều trị với mục đích, hy vọng mong mỏi của anh chị ấy và gia đình là có đứa con gắn kết hạnh phúc nhưng không đạt được. Từ đó vợ chồng chán nản, không chia sẻ với nhau, anh N và chị P mỗi người một nơi, công việc của anh N làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nên anh chị không có thời gian để gần gũi với nhau. Từ những nguyên nhân đó dẫn đến anh N, chị P không còn tình cảm với nhau, không thể duy trì hôn nhân hạnh phúc. Chị P không sống với gia đình bà L từ đầu năm 2023, chị P và anh N sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập. Hôn nhân của anh N, chị P không có hạnh phúc nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để anh chị sớm ổn định được cuộc sống riêng của mình. Anh N có trao đổi với bà L là anh N đồng ý ly hôn nhưng do công việc anh N không thể về tham gia làm việc với Tòa án được và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh chị theo quy định của pháp luật, không cần sự có mặt của anh N.

Qua xác minh, UBND xã Hoàng Hoa Thám cung cấp: Anh Tô Văn N và chị Đinh Thị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 12/3/2021, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị P, địa phương được biết anh chị là lao động tự do, thỉnh thoảng mới về địa phương, vợ chồng không có nhiều thời gian sống cùng nhau nên không chia sẻ để vợ chồng cùng nhau duy trì hạnh phúc gia đình. Vợ chồng bất đồng quan điểm nên hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Do anh chị không đề nghị hòa giải tại địa phương nên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào.

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng chị P, anh N xảy ra mâu thuẫn sau khi kết hôn được một thời gian ngắn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và do việc chữa và điều trị hiếm muộn con không có kết quả nên vợ chồng chán nản, không chia sẻ với nhau. Ngoài ra do anh N làm xa nhà nên anh chị không có thời gian để gần gũi với nhau. Từ những nguyên nhân đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị P xin ly hôn anh N là có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về con chung: Vợ chồng chị P, anh N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị P xác định không có nên không đề nghị giải quyết. Do không lấy được lời khai của anh N nên không rõ được quan điểm của anh N về tài sản chung, công sức, nợ chung. Do vậy không xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung. Nếu sau này anh N có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

**[3]** Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hung Yên tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn anh Tô Văn N.

[2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/26E số 0000967 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị P đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS KV1-Hung Yên;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV1-Hung Yên;
- UBND xã HHT
- (Đăng ký số 14 ngày 14/03/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Lý**